|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN VĨNH BẢO**  **Trường THCS**  **Vinh Quang – Thanh Lương** | **KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH 9**  **Năm học: 2022 - 2023**  Thời gian: 45 phút |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng thấp** | | | | **Vận dụng cao** | | | | **Tổng** | | | | |
| **TNKQ** | | **Tự luận** | | **TNKQ** | | **Tự luận** | | **TNKQ** | | **Tự luận** | | **TNKQ** | | **Tự luận** | | **TNKQ** | | **Tự luận** | | |
| Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ | Số câu | Đ |
| **QLDT của MenĐen** | 3 | 1,2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 3 | 1,2 | 1 | 1 |
| **Nhiễm sắc thể** | 2 | 0,8 |  |  | 3 | 1,2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 5 | 2 | 1 | 1 |
| **ADN và gen** | 3 | 1,2 |  |  |  |  | 0,5 | 0,5 |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 1,2 | 0,5 | 0,5 |
| **Biến dị** | 2 | 0,8 |  |  | 2 | 0,8 | 0,5 | 0,5 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 4 | 1,6 | 1,5 | 1,5 |
| **Tổng** | 10 | 4 |  |  | 5 | 2 | 1 | 1 |  |  | 2 | 2 |  |  | 1 | 1 | 15 | 6 | 4 | 4 |
|  | 40% |  |  |  | 20% |  | 10% |  |  |  | 20% |  |  |  | 10% |  | 60% |  | 40% |
| 40% | | | | 30% | | | | 20% | | | | 10% | | | | 100% | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN VĨNH BẢO**  **Trường THCS**  **Vinh Quang – Thanh Lương** | **KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH 9**  **Năm học: 2022 - 2023**  Thời gian: 45 phút |

**ĐỀ BÀI**

**A/ Trắc nghiệm: (6 điểm) Khoanh tròn vào phương án đúng nhất**

***Câu 1: Phép lai nào sau đây cho tỉ lệ kiểu gen là 1:2:1***

A. Aa x AA B. Aa x aa

C. Aa x Aa  D. AA x AA

***Câu 2: Phép lai nào sau đây được gọi là phép lai phân tích?***

A. Aa x AA B. Aa x aa

C. Aa x Aa  D. AA x AA

***Câu 3: Ở cà chua, tính trạng quả đỏ (A) trội so với quả vàng (a). Khi lai phân tích thu được toàn quả đỏ. Cơ thể mang kiểu hình trội sẽ có kiểu gen là:***

A. AA (quả đỏ), aa (quả vàng) B. AA (quả đỏ)

C. Aa (quả đỏ) D. Aa (quả vàng)

***Câu 4: Vật chất di truyền của cơ thể là:***

A. ADN và NST B. mARN, tARN

C. Ribôxôm D. Prôtêin

***Câu 5: Có mấy loại giao tử được tạo thành ở cá thể mang kiểu gen XY?***

A. 1 loại giao tử B. 2 loại giao tử

C. 3 loại giao tử D. 4 loại giao tử

***Câu 6: Từ 1 noãn bào bậc 1 qua giảm phân tạo ra:***

A. 1 Trứng B. 2 Trứng C. 3 Trứng D. 4 Trứng

***Câu 7: Ở các loài giao phối, cơ chế nào đảm bảo bộ NST của loài được duy trì ổn định qua các thế hệ?***

A. Thụ tinh B. Nguyên phân

C. Giảm phân D. Sự kết hợp giữa nguyên phân, giảm phân và thụ tinh

***Câu 8: Ý nghĩa của di truyền liên kết là:***

A. Di truyền liên kết được vận dụng để chọn những nhóm tính trạng tốt luôn di truyền cùng nhau.

B. Di truyền liên kết được vận dụng trong xây dựng luật hôn nhân.

C. Di truyền liên kết được sử dụng để xác định kiểu gen của các cơ thể đem lai.

D. Di truyền liên kết được vận dụng để tạo ra nhiều biến dị tổ hợp.

***Câu 9: Các nuclêotit trên phân tử ADN liên kết theo NTBS là trường hợp nào sau đây là đúng?***

A. A – G , T – X B. A – T , G – X

C. X – A , T – G D. A – X , G – T

***Câu 10: Nếu trên một mạch đơn của phân tử ADN có trật tự các Nuclêôtit là – A – T – G – X – A – thì đoạn mạch bổ sung tại vị trí đó là:***

A. – T – A – X – A – T – B. – A – X – G – T – A –

C. – A - T – G – X – A – D. – T – A – X – G – T –

***Câu 11: Prôtêin thực hiện chức năng của mình chủ yếu nhờ những bậc cấu trúc nào sau đây?***

A. Cấu trúc bậc 1 và bậc 2 B. Cấu trúc bậc 1

C. Cấu trúc bậc 3 và bậc 4 D. Cấu trúc bậc 2 và bậc 3

***Câu 12: Đột biến gen là gì?***

A Là sự biến đổi trong cấu trúc của NST

B Là sự biến đổi số lượng NST

C Là sự biến đổi trong cấu trúc của gen

D Là sự biến đổi kiểu hình do môi trường

***Câu 13: Đột biến hem hem 1 NST vào cặp NST thứ 21 gây bệnh di truyền nào dưới đây?***

A. Đao B. Tớcnơ

C. Câm điếc bẩm sinh D. Bạch tạng

***Câu 14: Một gen bình thường, sau khi bị đột biến, số lượng các loại nuclêôtit không đổi. Đây là dạng đột biến:***

A. Thêm hai cặp nuclêôtit B. Thay thế một cặp nuclêôtit

C. Mất một cặp nuclêôtit D. Thêm một cặp nuclêôtit

***Câu 15: Biểu hiện nào sau đây không phải là của thường biến?***

A. Sự biến đổi hình dạng lá cây rau mác ở các môi trường khác nhau

B. Thằn lằn ở trên cát, lúc trời nắng thì màu nhạt, ở bóng râm thì sẩm

C. Người càng leo núi cao thì tim đập càng nhanh

D. Con cá sấu bị bệnh bạch tạng

**II. Phần tự luận (4 điểm)**

**Câu 1(**1,5đ):

**a.** Nêu đặc điểm của quá trình nguyên phân

**b.** Tế bào ruồi giấm(2n=8NST). Quan sát thấy một tế bào ruồi giấm đang phân bào nguyên phân. Hãy điền nội dung thích hợp vào bảng sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các kì | Số lượng NST | Trạng thái Đơn/ kép | Đóng/ duỗi xoắn |
| Kì đầu |  |  |  |
| Kì giữa |  |  |  |
| Kì sau |  |  |  |

**Câu 2(1đ):** Trình bày mối quan hệ giữa ADN(Gen), mARN và prôtêin?

**Câu 3(1,5đ):**

- Hoàn thành sơ đồ biến dị.

- Thể dị bội là gì? Nêu các dạng thể dị bội

- Ở ruồi giấm (2n = 8NST). Một cá thể ruồi giấm trong tế bào có 7NST, 9NST. Xác định các dạng đột biến trên?

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN VĨNH BẢO**  **Trường THCS**  **Vinh Quang – Thanh Lương** | **KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH 9**  **Năm học: 2022 - 2023**  Thời gian: 45 phút |

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**TNKQ (6đ): Mỗi câu chọn đúng 0,4đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | C | B | B | A | B | A | D | A | B | D |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | C | C | A | B | D |

**Tự luận (4đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | a. Đặc điểm nguyên phân  - Là hình thức phân bào xẩy ra ở tế bào sinh dưỡng  - NST nhân đôi 1 lần ở kì trung gian, tế bào phân chia 1 lần ở kì cuối. Do đó 1 tế bào mẹ (2n) 🡪 2 tế bào con (2n)  - Các tế bào con tạo thành có thể tiếp tục phân bào để sinh ra các tế bào mới  b. Tế bào 2n = 8   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Các kì | Số lượng NST | Trạng thái Đơn/ kép | Đóng/ duỗi xoắn | | Kì đầu | 8 | Kép | Đóng xoắn | | Kì giữa | 8 | Kép | Đóng xoắn | | Kì sau | 16 | Đơn | Duỗi xoắn | | 0,75đ  0,75đ |
| Câu 2 | - Sơ đồ: Gen 🡪 mARN 🡪 Protein  - Quan hệ: Gen là khuôn mẫu tạo ra mARN.  MARN là khuôn mẫu tạo ra Protein  - Trình tự các Nu trên mạch khuôn của gen quy định trình tự các Nu của mARN  - Trình tự các nuclêôtit trên mach mARN quy định trình tự các axitamin trong cấu trúc bậc 1 của prôtêin | 0,25đ  0,25đ  0,25  0,25 |
| Câu 3 | Có dt Đột biến gen  Đột biến NST Đb cấu trúc NST  Biến dị Đb số lg NST Thể dị bội  Thể đa bội  Không dt (Thường biến )   * Thể dị bội là cơ thể trong tế bào sinh dưỡng có số lượng NST thay đổi ở một hoặc một số cặp NST * Một số dạng dị bội thể: 2n+1, 2n- 1, 2n- 2 ... * Cá thể ruồi trên bị đột biến: 9NST: dị bội dạng 2n + 1   7NST: dị bội 2n -1 | 0,5đ  0,25  0,25  0,25  0,25 |